SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH

Số: 242/TB-BVĐKTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Sơn Nhất, ngày 29 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM BÁO GIÁ

Kính gửi: **Quý công ty**

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu Mua sắm trang thiết bị văn phòng năm 2025 nhằm phục vụ công tác chuyên môn.

Kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm cung ứng hàng hoá theo yêu cầu, quan tâm cung cấp báo giá làm cơ sở cho công tác xây dựng giá cho gói thầu: Mua sắm trang thiết bị văn phòng năm 2025.

1. Danh mục mời báo giá:

- Theo mẫu Phụ lục đính kèm Thông báo.

2. Hồ sơ báo giá:

- Đầy đủ các cột mục theo Phụ lục báo giá đính kèm Thông báo.

- Giá trong báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.

- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.

- Bản chính Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

3.1. Thời hạn nộp báo giá:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 13/10/2025.

3.2. Hình thức gửi báo giá:

- Bản giấy Hồ sơ báo giá gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá theo Thông báo.

- Gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu qua email.

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Phòng Tổ chức-Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Tân Bình, số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên hệ: 38.119551; Di động: 0902.492.071 (CV. Huỳnh Thị Thanh Nga).

- Email: huynhthanhnga83@gmail.com

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH

Bs.CKH. Võ Văn Hùng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT.

Tên công ty:
Địa chỉ:
MST:
Số điện thoại liên hệ:

DANH MỤC HÀNG HOÁ BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm trang thiết bị văn phòng năm 2025 - Bệnh viện Đa khoa Tân Bình

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU						DANH MỤC BÁO GIÁ CỦA CÔNG TY												
TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)
Lô 1: Nội thất văn phòng						**CỘNG THÀNH TIỀN LÔ 1**											**0**	
1	Bàn làm việc (bàn vi tính)	Bàn làm việc (vi tính) NTM120S The One hoặc tương đương - Bàn máy tính hộc liền, mặt bàn bằng chất liệu Laminate, bàn có kệ CPU - Kích thước: (Rộng 1200mm x Sâu 600mm x Cao 750mm) (± 5mm) - Màu sắc: Trắng ghi	Cái	12	≥ 12 tháng													
2	Ghế xoay lưới	Ghế xoay lưới chuyên viên GL110L The One hoặc tương đương - Ghế lưới chuyên viên khung nhựa, đệm ghế bọc vải lưới, chân nhựa - Kích thước: (Rộng 580mm x Sâu 600mm) (± 15mm). Cao từ 890mm đến 985mm. - Có pen điều chỉnh độ cao. - Màu sắc: Đen	Cái	12	≥ 12 tháng													
3	Ghế xoay nệm Simili có tựa lưng	Ghế xoay nệm Simili, có tựa lưng Chất liệu: khung thép mạ, mặt ghế nệm mút bọc Simili, có pen điều chỉnh độ cao, có thiết kế để bậc để chân Chân ghế: chân trụ tròn ống Ø 60mm, đường kính chân đế 400mm Kích thước mặt ghế: rộng 420mm x sâu 450 mm (± 20mm) Kích thước tựa lưng: cao 325 mm x rộng 440 mm (± 20mm) Chiều cao ghế (tính luôn tựa lưng): 840 mm (± 20mm), Chiều cao tối đa khi nâng 1040 mm (± 20mm), Chiều cao ghế (tính đến mặt ghế): 620 mm (± 20mm), chiều cao tối đa khi nâng 820 mm (± 20mm)	Cái	1	≥ 12 tháng													
4	Ghế xoay nệm Simili không có tựa lưng	Ghế xoay nệm Simili không có tựa lưng Chất liệu: khung thép mạ, đệm tròn bọc simili định hình, chân cố định không bánh xe, có pen điều chỉnh độ cao Kích thước: + Đường kính chân ghế 360 mm (± 20mm) + Đường kính mặt ghế 340mm (± 20mm) + Chiều cao ghế 450 mm (± 20mm) Độ cao khi điều chỉnh có thể cao thêm từ (10-15) cm Màu sắc nệm Simili: xanh dương/đen/nâu	Cái	3	≥ 12 tháng													
5	Ghế xếp khung inox	Ghế xếp khung inox có nệm dựa lưng, nệm ngồi G11-The One hoặc tương đương - Kích thước: (Rộng 455mm x Sâu 520mm x Cao 795 mm) (± 15mm) - Chất liệu: Khung Inox; nệm ngồi và nệm tựa lưng bằng chất liệu PVC cao cấp - Gấp lại được khi không sử dụng - Màu sắc: Xanh dương	Cái	4	≥ 12 tháng													

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)
6	Tủ đựng hồ sơ locker 4 ngăn	Tủ đựng hồ sơ locker 4 ngăn TU4F hoặc tương đương Tủ sắt sơn tĩnh điện Kích thước: (rộng 470mm x sâu 620mm x cao 1280 mm) (± 20mm) Màu sắc: Màu ghi sáng Kiểu dáng: Thiết kế gồm 4 ngăn kéo, chuyển động bằng cơ cấu ray bi.	Cái	9	≥ 12 tháng													
7	Tủ hồ sơ 02 khoang 02 cánh	Tủ hồ sơ TU09K2- The One hoặc tương đương - Tủ sắt sơn tĩnh điện gồm 2 khoang. - 02 cánh mở, mỗi khoang có 3 đợt di động chia thành 04 ngăn - Kích thước: (Rộng 1000mm x Sâu 450mm x Cao 1830 mm) (± 10mm) - Màu sắc: Ghi sáng	Cái	3	≥ 12 tháng													
8	Tủ Inox Y tế	Tủ Inox Y tế TYT02I430 hoặc tương đương Kích thước: (Rộng 800mm x Sâu 400 mm x Cao 1600mm) (± 10 mm) Màu sắc: Ghi sáng Chất liệu: Khung inox Kiểu dáng: Được thiết kế chuyên dụng cho để thuốc và các dụng cụ y tế : - Tủ y tế khung inox chia làm 2 khoang, khoang trên cánh kính có 2 đợt kính cố định, khoang dưới chia 2 ngăn nhỏ và có khóa - Khung sử dụng ống inox 201 kết hợp tôn inox 430, độ dày ≥ 0.4mm	Cái	3	≥ 12 tháng													
9	Tủ hồ sơ 02 khoang 04 cánh	Tủ hồ sơ TU09K3- Hòa Phát hoặc tương đương - Tủ sắt sơn tĩnh điện gồm 2 khoang: + Khoang trên có 2 đợt di động, 2 cánh kính mở. + Khoang dưới có 2 cánh sắt mở Kích thước: (Rộng 1000 mm x Sâu 450 mm x Cao 1830 mm) (± 20 mm) - Màu sắc: Ghi sáng	Cái	1	≥ 12 tháng													
10	Tủ hồ sơ 03 khoang 05 cánh	Tủ sắt sơn tĩnh điện gồm 3 khoang: + 1 khoang: 2 cánh kính, có 2 đợt di động, +1 khoang: gồm 2 cánh sắt mở, +1 khoang: cánh sắt dài bên trong có 1 suốt treo đồ, 02 đợt di động. Kích thước: (rộng 1350 mm x sâu 450mm x cao 1830 mm) (± 20 mm) Màu sắc: ghi sáng	Cái	2	≥ 12 tháng													
Lô 2: Thiết bị tin học, điện tử						**CỘNG THÀNH TIỀN LÔ 2:**											**0**	
1	Máy in trắng đen	Máy in trắng đen HP Laser M4003DN hoặc tương đương - Loại máy: In laser trắng đen - Chức năng: in 1 mặt, in 2 mặt tự động - Màn hình hiển thị LCD 2 dòng. - Công suất in: (750-4000) trang/tháng - Loại mực in: 151A - Trọng lượng: (8 - 9) kg - Tốc độ in 1 mặt: ≥ 40 trang/ phút khổ A4 và ≥ 40 trang/ phút khổ Letter - Khổ giấy tối đa: A4/Letter. - Độ phân giải: ≥ (1200 x 1200) dpi - Có Kết nối: USB, LAN	Cái	18	≥ 12 tháng													

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)
2	Máy in nhiệt	Máy in nhiệt Xprinter K300L hoặc tương đương. - Công nghệ in: in nhiệt trực tiếp, không cần dùng mực - Khổ giấy: 80mm - Tốc độ in tối đa lên đến: 300mm/s - Kết nối: USB, LAN - Độ phân giải: ≥ 576 điểm/dòng. - Kích thước: (Dài 189.15 x Rộng 145.35 x Cao 139.7) mm (± 20mm)	Cái	4	≥ 12 tháng													
3	PC lắp ráp	PC lắp ráp, gồm:	Cái	27														
		Mainboard: ASUS Prime B760M-K D4 (hỗ trợ cổng xuất hình: HDMI và VGA) hoặc tương đương;			≥ 36 tháng													
		CPU: Intel® Core™ i5 - 14400 hoặc tương đương;			≥ 36 tháng													
		RAM: 16GB DDR Bus 3200Mhz Gskill hoặc tương đương;			≥ 36 tháng													
		Ổ cứng SSD: Lexar - 512GB - NM620 (M2) hoặc tương đương;			≥ 24 tháng													
		Keyboard: Logitech - K120 hoặc tương đương;			≥ 12 tháng													
		Mouse: Logitech - B100 hoặc tương đương;			≥ 12 tháng													
		Nguồn: Cooler Master Elite NEX 600W 230V Peak PN600 hoặc tương đương;			≥ 12 tháng													
		Case: Cooler Master Elite 502 Lite hoặc tương đương.			≥ 12 tháng													
4	Màn hình máy vi tính	Màn hình máy vi tính LCD DELL - SE2425HM hoặc tương đương - Kích thước màn hình: (23.8 - 25) inch - Độ phân giải: FHD ≥ (1920 x 1080) - Độ sáng: ≥ 250cd/m2 (typical) - Cổng kết nối: hỗ trợ Display port, HDMI, VGA	Cái	32	≥ 36 tháng													
5	Máy quét mã vạch	Máy quét mã vạch datalogic Qr code (DS9308) hoặc tương đương: - Hỗ trợ quét cả mã 1D và 2D - Độ phân giải cảm biến: ≥ (1280 × 800) pixels - Độ tương phản tối thiểu (PCS): 15% - Khả năng giải mã: Mã 1D/2D - Kết nối USB	Cái	8	≥ 12 tháng													
6	Máy Scan	Máy Scan 02 mặt HP Pro 3000 S4 hoặc tương đương - Độ phân giải quét tối đa: (600 x 600) dpi. - Tốc độ quét: Lên đến 40 trang/phút (tối đa 80 hình ảnh/phút) - Khay nạp tài liệu tự động (ADF): 50 trang. - Kết nối: USB 3.0. - Tính năng: gửi scan tới máy tính, scan vào ổ đĩa USB - Các tính năng khác: Quét 2 mặt tự động, quét văn bản OCR, quét thành file PDF tìm kiếm được. - Chu kì quét: ≥ 4000 trang mỗi ngày. - Kích thước chụp quét (ADF): tối đa (216 x 3100) mm/Tối thiểu (50,8 x 50,8) mm - Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) tối thiểu: (300 x 172 x 154) mm - Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) tối đa: (300 x 410 x 310) mm - Trọng lượng: (2.7 -3.0) Kg	Cái	1	≥ 12 tháng													

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)
7	Máy hủy giấy	Máy hủy giấy Magitech DM-300C hoặc tương đương - Khe nẹp giấy: 240mm - Kiểu hủy: Hủy Vụn - Kích thước hủy: ≤ (4 x 25)mm - Số tờ hủy/ lần: 20 tờ - 22 tờ - Tốc độ hủy: ≥ 2.8m/min - Hủy liên tục: ≥ 15 phút - Hủy: CD / Kim Bấm / Thẻ Từ - Dung tích thùng chứa: ≥ 38 lít - Có bánh xe di chuyển dễ dàng. - Kích thước máy: (rộng 350mm x sâu 404mm x cao 667mm) (± 20mm) - Trọng lượng máy: (19.7 - 20) kg	Cái	1	≥ 12 tháng													
8	Máy bấm số thứ tự	Máy bấm số thứ tự ZYWELL ZY307Q hoặc tương đương Kích thước: (rộng 146mm x sâu 191mm x cao 129mm) (± 10mm) Công nghệ in: in nhiệt trực tiếp Tốc độ in: ≥ 260mm/s Độ phân giải: ≥ 203dpi Khổ giấy: 80mm Cổng kết nối: Lan(ethernet), USB, RJ11(cổng kết nối két), RS232 Bộ nhớ: NV Flash 256k bytes Nguồn điện sử dụng: Nguồn vào: AC 100V-240V 50/60HZ, Nguồn ra: DC 24V/2.5A Độ bền dao cắt: ≥ 2 triệu lần cắt Trọng lượng: (1.5-1.6)Kg	Cái	2	≥ 12 tháng													
9	Máy chấm công vân tay	Máy chấm công vân tay Ronald Jack S800ID hoặc tương đương - Phương thức xác thực: Vân tay, thẻ, password. - Dung lượng quản lý: ≥ 5.000 vân tay, ≥ 10.000 thẻ. - Bộ nhớ: ≥ 200.000 lần chấm công. - Kết nối với máy tính qua TCP/IP, USB. - Thời gian chấm công: ≤ 1 giây. - Lấy dữ liệu từ xa ADMS. - Màn hình màu TFT (3 - 3.5) inches. - Mắt đọc chống trầy xước, chống vân tay giả. - Máy sử dụng thẻ cảm ứng 125Khz. - Ngôn Ngữ: Anh-Việt, ngôn ngữ khác. - Nguồn điện: 12V-1.5A. - Adapter dài khoảng 1 mét. - Pin lưu điện kèm theo máy 3.7V, 4000mAh. - Kích thước: (ngang 200mm x dọc 153mm x sâu 44 mm) (± 5mm)	Cái	5	≥ 12 tháng													
10	Ổn áp	Ổn áp LIOA DRII-1000II 1KVA hoặc tương đương Điện áp đầu vào: 50V-250V Điện áp đầu ra: 220V/110V (± 1,5%) Công suất: 1KVA ~ 0,8KW Kích thước: (ngang 183mm x dọc 237mm x cao 200 mm) (± 10mm) Trọng lượng: (7,0-7,8) kg Tần số: 49Hz/62Hz Lõi động cơ: Lõi đồng Thiết kế có tay nắm Màu sắc: Ghi trắng/đen....	Cái	4	≥ 12 tháng													
Lô 3: Thiết bị điện lạnh						**CỘNG THÀNH TIỀN LÔ 3:**											**0**	

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)
1	Máy lạnh Inverter 1.5 HP	Máy lạnh Daikin Inverter 1.5 HP FTKZ35VVMV/RKZ35VVMV hoặc tương đương - Loại máy: Inverter - Công suất làm lạnh: 1.5 HP - 11.900 BTU - Phạm vi làm lạnh hiệu quả: Từ 15m² - 20m² (từ 40m³ đến 60m³) - Độ ồn trung bình: Dàn lạnh: 19/39 dB (thấp/cao), Dàn nóng: 43/47 dB (thấp/cao) - Chất liệu dàn tản nhiệt Hợp kim nhôm vi dẫn Microchannel chống ăn mòn - Loại Gas R-32	Cái	7	≥ 12 tháng													
2	Máy lạnh Inverter 2.0 HP	Máy lạnh Daikin Inverter 2.0 HP FTKZ50VVMV/RKZ50VVMV hoặc tương đương - Loại máy: Inverter - Công suất làm lạnh 2 HP - 17.700 BTU - Phạm vi làm lạnh hiệu quả từ 20m² - 30m² (từ 60m³ đến 80m³) - Độ ồn trung bình: Dàn lạnh: - 25/44 dB (thấp/cao), Dàn nóng: 43/47 dB (thấp/cao) - Chất liệu dàn tản nhiệt Hợp kim nhôm vi dẫn Microchannel chống ăn mòn - Loại Gas R-32	Cái	17	≥ 12 tháng													
3	Tủ lạnh 130 lít	Aqua AQR - T150 FA(BS) hoặc tương đương - Kiểu tủ: Ngăn đá trên - 2 cánh - Dung tích sử dụng: 130 lít (± 5 lít) - Dung tích ngăn đá: 36 lít (± 2 lít)) - Dung tích ngăn lạnh: 94 lít (± 5 lít) - Công nghệ kháng khuẩn, khử mùi Nano Fresh Ag+ - Chất liệu cửa tủ lạnh: Thép không gỉ - Chất liệu khay ngăn: Kính chịu lực - Kích thước: (rộng 480 mm x sâu 585mm) (± 20 mm) x cao (1190-1240) mm - Màu sắc: Đen	Cái	1	≥ 12 tháng													
4	Máy giặt	Máy giặt LG AI DD Inverter 12 kg FV 1412S3B hoặc tương đương Loại máy giặt: Cửa trước Lồng giặt: Lồng ngang Khối lượng giặt: 12 kg Chế độ giặt: Nhiều chế độ Công nghệ Inverter Màn hình hiển thị: Led Tốc độ quay vắt: tối đa lên 1400 vòng/phút Có Chế độ giặt nhanh, giặt nước nóng Có chức năng Kháng khuẩn - Khử mùi Có chức năng Vệ sinh lồng giặt Chất liệu lồng giặt: Thép không gỉ Khóa an toàn: Có Cài đặt hẹn giờ: Có Kích thước: (dài 60,7cm x rộng 59cm x cao 84cm) (± 2cm)	Cái	1	≥ 12 tháng													
Lô 4: Hệ thống chuông báo						**CỘNG THÀNH TIỀN LÔ 4:**												
1	Hệ thống chuông báo 8 nút	Hệ thống chuông báo 8 nút, bao gồm:	Bộ	1	≥ 12 tháng													

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)
		1. Nút nhấn gọi: Số lượng 08 Nút nhấn gọi Syscall ST-100 W hoặc tương đương Nút bấm 1 chức năng (Gọi) Kích thước: (rộng 54,5mm x dài 54,5mm x cao19mm) (± 5mm) Trọng lượng: 35g (± 5g) Màu sắc: đen cam/trắng cam... Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Pin đồng xu DC 3V (CR2025) ~ 40 000 lần bấm Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại																
		2. Bảng chỉ báo: Số lượng 01 Bảng chỉ báo SyscallSR-AA10 hoặc tương đương Màn hiện thị ≥10 số, ≥ 1 cuộc gọi Đăng ký lên tới 450 nút bấm Kích thước: (rộng 280mm x dài 145mm x cao 40mm) (± 5mm) Trọng lượng: (600-700)g Màu sắc: đen trắng Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Nguồn: DC12V/ 1A Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại																
		3. Bảng Mica hướng dẫn: Số lượng 08 - Dùng để bắt nút nhấn gọi vào và bắt lên tường hoặc giường bệnh - Thuận tiện cho việc lắp đặt và thay thế pin - Logo và nội dung in thiết kế theo yêu cầu của bệnh viện Kích thước: (rộng 105mm x dài 125mm) (± 5mm)																
2	Hệ thống chuông báo 12 nút	Hệ thống chuông báo 12 nút, bao gồm:	Bộ	1	≥ 12 tháng													
		1. Nút nhấn gọi: Số lượng 12 Nút nhấn gọi Syscall ST-100 W hoặc tương đương Nút bấm 1 chức năng (Gọi) Kích thước: (rộng 54,5mm x dài 54,5mm x cao19mm) (± 5mm) Trọng lượng: 35g (± 5g) Màu sắc: đen cam/trắng cam... Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Pin đồng xu DC 3V (CR2025) ~ 40 000 lần bấm Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại																
		2. Bảng chỉ báo: Số lượng 01 Bảng chỉ báo SyscallSR-AA10 hoặc tương đương Màn hiện thị ≥10 số, ≥ 1 cuộc gọi Đăng ký lên tới 450 nút bấm Kích thước: (rộng 280mm x dài 145mm x cao 40mm) (± 5mm) Trọng lượng: (600-700)g Màu sắc: đen trắng Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Nguồn: DC12V/ 1A Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại																
		3. Bảng Mica hướng dẫn: Số lượng 12 - Dùng để bắt nút nhấn gọi vào và bắt lên tường hoặc giường bệnh - Thuận tiện cho việc lắp đặt và thay thế pin - Logo và nội dung in thiết kế theo yêu cầu của bệnh viện Kích thước: (rộng 105mm x dài 125mm) (± 5mm)																
						TỔNG CỘNG THÀNH TIỀN (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan)													

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)

- Hiệu lực của báo giá: *tối thiểu 06 tháng kể từ ngày 13/10/2025*

Ngày tháng năm 2025

Đại diện Công ty

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày.
- Giá ở cột 11 là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan ((trừ mặt hàng máy lạnh: không bao gồm vật tư thi công và chi phí lắp đặt).
- Các cột có dấu (*): là các cột buộc phải có thông tin, đề nghị công ty báo đầy đủ.
- Vì là hình thức đấu theo lô nên Công ty vui lòng báo giá những lô nào công ty có khả năng cung ứng hết toàn bộ danh mục hàng hóa lô đó.